BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 1/3/2022 14:15 01/03

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Hôm qua (28/02), Trung tâm Quản lý Dự trữ Hàng hóa Trung Quốc cho biết nước này sẽ tiến hành thu mua 40.000 tấn thịt heo dự trữ vào ngày 03-04/03 nhằm hỗ trợ giá heo hồi phục. Tuy nhiên, do tác động của những đợt thu mua trước đó lên giá heo không lớn nên thông tin về đợt thu mua tới đây chưa hỗ trợ nhiều cho sự đi lên của giá heo hơi. Mặt bằng giá bình quân cả nước hôm nay vẫn lình xình quanh 12,7 tệ/kg, tương đương 46.000 đồng/kg trong khi tại các tỉnh phía Nam, giá biến động trái chiều quanh vùng 13,2-13,8 tệ/kg, tương đương 48-50.000 đồng/kg.

- Tại sàn Đại Liên, giá heo hơi kỳ hạn tiếp đà đi xuống trong phiên giao dịch hôm nay, trong đó riêng kỳ hạn tháng 5 giảm 1,5%, đưa mặt bằng giá giao dịch kỳ hạn tháng 5-7/2022 quanh 14,1-15,8 tệ/kg, tương đương 51-57.000 đồng/kg.

- Tại các thị trường lân cận, giá heo hơi được giao dịch khá cao, Thái Lan quanh 60.000 đồng/kg, Campuchia quanh 72.000 đồng/kg, Lào quanh 62.000 đồng/kg.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

Miền Bắc

- Tại **miền Bắc Việt Nam**, giá heo không có nhiều biến động vào hôm nay khi thị trường giằng co giữa một bên là nhu cầu tiêu thụ chậm và 1 bên là lực tấp heo vào gột. Mặt bằng giá heo miền Bắc hôm nay vẫn giữ giao dịch phổ biến quanh 52-54.000 đồng/kg với heo công ty và 51-53.000 đồng/kg với heo dân, tuỳ biểu. Nguồn cung heo dân vãn hơn do đã đổ ra bán giai đoạn nửa cuối tháng 2 nên các thương lái chuyển hướng bắt của các công ty với giá phổ biến 53.000 đồng/kg.

- Do số ca nhiễm Covid 19 tại Hà Nội tiếp tục tăng mạnh, đạt hơn 12.000 ca/ngày nên nhiều thương lái vẫn nghỉ đi chợ và các quán ăn bán chậm do không có khách.

Miền Trung & miền Nam

- Tại **miền Trung và miền Nam**, từ hôm qua heo từ các khu vực này được gom đóng ra Bắc nhiều hơn nhưng do lượng heo tồn còn nhiều và giá heo miền Bắc chưa tăng nên mặt bằng giá khu vực này cũng chưa có nhiều thay đổi, giữ quanh 51-53.000 đồng/kg, cá biệt có giá trên 53.000 đồng/kg cho heo đẹp.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về vẫn đạt tầm 1.700, trong đó heo miền Nam đưa ra có 7 xe, còn lại là heo từ các công ty, heo dân ít. Chợ bán trôi với giá heo đầu 58.000 đồng/kg, phổ biến 54.000 đồng/kg, hàng chân dễ bán.

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt gần 4.200 con, tăng nhẹ so với hôm qua nhưng heo nhập chợ giảm gần 200 con nên chợ không bị rớt vào cuối phiên, với giá từ 57.000 đồng/kg trở lên.

Giao dịch biên mậu

- Do số ca nhiễm Covid 19 tại Việt Nam tăng mạnh nên các cửa khẩu tiếp tục được kiểm soát chặt khiến hoạt động xuất khẩu heo sống khó khăn, chỉ giao dịch lượng nhỏ bán cho cư dân vùng giáp biên.

Lượng Heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 1/3/2022 (con/ngày) 10:18 01/03

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 01/03/2022 (con/ngày)

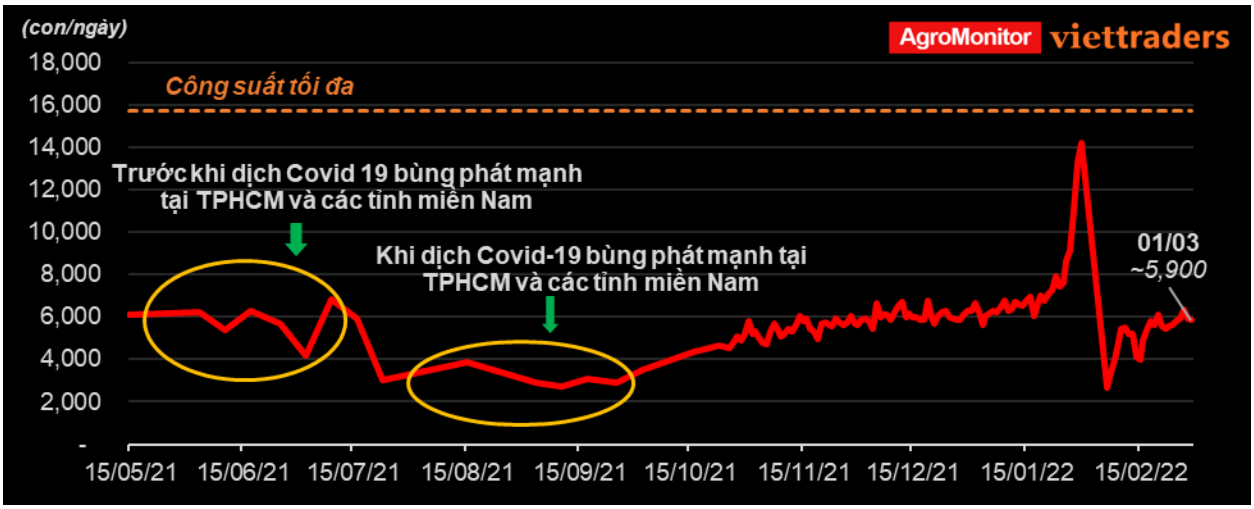

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 15/2/2022 (nghìn tấn) 13:13 19/02

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 15/02/2022

(xem chi tiết tại đây)

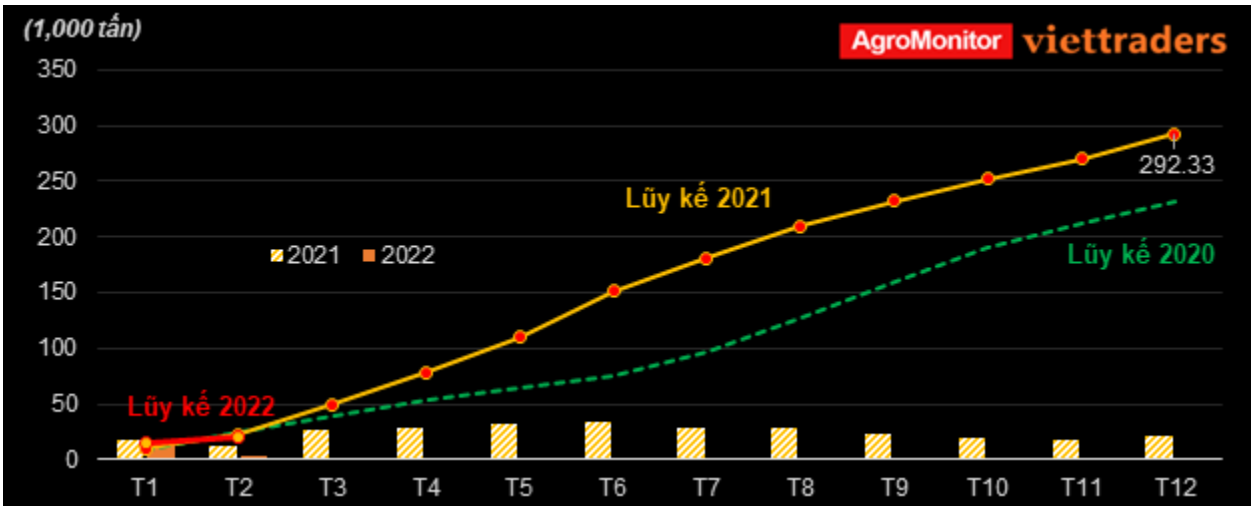

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và Heo con ngày 1/3/2022 08:47 01/03

1. Miền Bắc

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		01/03/2022	28/02/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		54.000	54.000	54.000-57.000
Heo dân	Thái Bình	50.000-53.000	50.000-53.000	50,000-55,000
	Bắc Giang	50.000-53.000	50.000-53.000	50,000-55,000
	Hà Nội	50.000-53.000	50.000-53.000	50,000-55,000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		95.000-100.000	95.000-100.000	95.000-100.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.200.000-1.400.000	1.200.000-1.400.000	1.200.000-1.400.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		01/03/2022	28/02/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Bắc Trung Bộ	53.000-54.000	53.000-54.000	53.000-55.000
	Nam Trung Bộ	51.000-57.000	51.000-57.000	51.000-57.000
Heo dân	Nghệ An	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-54.000
	Bình Định	51.000-52.000	51.000-52.000	51.000-54.000
	Đắc Lắc	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-53.000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		01/03/2022	28/02/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	51.000-56.000	51.000-56.000	51.000-56.000
	Miền Tây	51.000-56.000	51.000-56.000	51.000-56.000
Heo dân	Đồng Nai	51.000-54.000	51.000-54.000	51.000-55.000
	Tiền Giang	50.000-53.000	50.000-53.000	50.000-54.000
	Bến Tre	50.000-53.000	50.000-53.000	50.000-54.000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	01/03/2022	28/02/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	28.000-30.500	27.500-30.000	27.000-29.500
	Miền Nam	28.000-29.000	28.000-29.000	25.000-28.000
Gà trong dân	***Miền Bắc***			
	Thái Nguyên	28.000-30.000	27.000-29.000	26.000-29.000
	Vĩnh Phúc	29.000-30.000	27.000-29.000	27.000-29.000
	Hà Nội	29.000-30.000	27.000-29.000	27.000-29.000
	Miền Nam			
	Bình Dương	28.000-29.000	28.000-29.000	24.000-28.000
	Bình Phước	28.000-29.000	28.000-29.000	24.000-27.000

Gà màu

Bảng 3. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	01/03/2022	28/02/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	41.000-43.000	41.000-43.000	41.000-44.000
Gà ta lai CP – miền Trung	41.000	41.000	41.000
Gà ta lai CP – miền Nam	47.000-48.000	47.000-48.000	47.000-48.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc *(gà nuôi trên 4 tháng)*	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-54.000
Gà màu Dabaco – miền Nam *(gà nuôi trên 4 tháng)*	45.000-50.000	45.000-50.000	45.000-50.000
Gà Minh Dư – miền Bắc *(gà nuôi trên 4 tháng)*	50.000-53.000	50.000-53.000	50.000-55.000
Gà Minh Dư – miền Nam *(gà nuôi trên 4 tháng)*	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-52.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	01/03/2022	28/02/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	29.000-30.000	28.000-29.000	28.000-30.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	35.000-37.000	33.000-36.000	33.000-36.000

Miền Tây – Vịt Grimaud	38.000-39.000	38.000-39.000	37.000-38.000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thế giới ngày 1/3/2022 10:04 01/03

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá heo hơi Trung Quốc lình xình đi ngang trong 18 ngày liên tiếp.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	12,68	▼0,08	▼15,96	45.800
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	13,21	▲0,09	▼18,23	47.800
	(DCE) T5/2022	CNY/kg	14,21	▼0,09	-	40.500
	(DCE) T7/2022	CNY/kg	15,85	▲0,02	-	51.400
	(DCE) T9/2022	CNY/kg	17,60	▲0,05	-	57.300
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	85,17	—0,00	▲10,17	60.900
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	78,00	—0,00	▲6,00	55.800
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	12.809	▲9	-	71.900
Lào	Giao ngay	LAK/kg	30.997	▼164	-	62.000
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	58.583	▼43	▲8.142	93.100
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Cent/lbs	72,64	—0,00	▲14,90	36.800
Canada	Giao ngay	Penny/kg	214,56	—0,00	▲34,66	39.300
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,09	—0,00	▼0,23	25.100

B. THỊ TRƯỜNG GIA CẦM

Bảng 2. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 ngày	

Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	7,62	▲0,02	-	27.540
	Gà trắng giống	CNY/con	0,68	▼0,44	-	2.460
	Vịt thịt	CNY/kg	8,18	▲0,30	-	29.560
	Vịt giống	CNY/con	1,19	▲0,19	-	4.300
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	40,5	—0,00	-	29.000
	Gà nửa con	Baht/kg	85,0	—0,00	-	60.860
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	12.170
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,18	—0,00	-	27.090
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,23	—0,00	-	28.240

Bảng 3. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 ngày	
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	7,68	▲0,18	-	27.660
	DCE) T4/2022	CNY/500kg	4.125	▲5,00	-	29.820
	(DCE) T5/2022	CNY/500kg	4.296	▲2,00	-	31.050
	(DCE) T6/2022	CNY/500kg	4.100	▲4,00	-	29.630
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 trứng	300,0	—0,00	-	2.150
	Trứng số 3	Baht/100 trứng	293,0	—0,00	-	2.100
	Trứng số 4	Baht/100 trứng	276,0	—0,00	-	1.980
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450,0	—0,00	-	2.530
Lào	Trứng gà	Kip/30 quả	29.000-30.000	-	-	2.130

Thị trường Gia súc thế giới ngày 1/3/2022

10:20 01/03/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 01/03/2022

Thị trường Heo	***Giá heo Trung Quốc*** - Giá **bình quân** giảm nhẹ xuống 12,68 tệ/kg (▼**0,08** tệ/kg) do nguồn cung dư thừa và nhu cầu đi ngang đè nặng lên thị trường; - Tại tỉnh **Quảng Tây**, giá heo nhích tăng lên 13,21 tệ/kg (▲**0,09** tệ/kg); - Giá **heo DCE T5/2022** khớp phiên 01/03 đạt 14,21 tệ/kg (▼**0,7%**);	***Sản xuất – Tiêu thụ*** - Trung Quốc dự kiến thu mua 40.000 tấn thịt heo dự trữ vào hai ngày 03-04/03;

	- Giá **heo con 7kg** đạt **24,19** tệ/kg, tương đương 610.000 đồng/con.	
	Giá heo Thái Lan - Giá **bình quân** giữ mức **85,17** baht/kg, tiêu thụ trên thị trường vẫn yếu; - Tại **miền Trung**, giá heo đạt **78** baht/kg; - Giá **heo con** chững đà giảm vào tuần này.	
	Giá heo Mỹ - Giá **giao ngay** giữ mức **72,64** cent/pound, thị trường kém sôi động hơn, lượng heo giết mổ vào cuối tuần trước thấp hơn dự tính; - Giá **heo nạc CME tháng 4/2022** giảm nhẹ thêm trong phiên giao dịch đầu tuần này, đạt 103,50 cent/pound (**▼0,2%**).	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Tại Trung Quốc

- Hôm qua (28/02), Trung tâm Quản lý Dự trữ Hàng hóa Trung Quốc cho biết nước này sẽ tiến hành thu mua 40.000 tấn thịt heo dự trữ vào ngày 03-04/03 nhằm hỗ trợ giá heo hồi phục. Tuy nhiên, do tác động của những đợt thu mua trước đó lên giá heo không lớn nên thông tin về đợt thu mua tới đây chưa hỗ trợ nhiều cho sự đi lên của giá heo hơi. Mặt bằng giá bình quân cả nước hôm nay vẫn lình xình quanh 12,7 tệ/kg, tương đương 46.000 đồng/kg trong khi tại các tỉnh phía Nam, giá biến động trái chiều quanh vùng 13,2-13,8 tệ/kg, tương đương 48-50.000 đồng/kg.

- Tại sàn Đại Liên, giá heo hơi kỳ hạn tiếp đà đi xuống trong phiên giao dịch hôm nay, trong đó riêng kỳ hạn tháng 5 giảm 1,5%, đưa mặt bằng giá giao dịch kỳ hạn tháng 5-7/2022 quanh 14,1-15,8 tệ/kg, tương đương 51-57.000 đồng/kg.

- Tại các thị trường lân cận, giá heo hơi được giao dịch khá cao, Thái Lan quanh 60.000 đồng/kg, Campuchia quanh 72.000 đồng/kg, Lào quanh 62.000 đồng/kg.

Tại Mỹ

- Giá heo nạc các kỳ hạn tại sàn Chicago tiếp tục giảm thêm trong phiên giao dịch đầu tuần này, ghi nhận phiên giảm điểm thứ 4 liên tiếp do ảnh hưởng lan tỏa từ sự đi xuống của giá trâu/bò hơi các kỳ hạn khi mặt bằng giá xuống mức thấp nhất trong vòng 1 tháng do giá thịt bò giảm mạnh cùng với lo ngại về hoạt động thương mại có thể bị gián đoạn trong bối cảnh xung đột giữa Nga và Ucraina vẫn căng thẳng.

DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo hơi Trung Quốc lình xình đi ngang trong 18 ngày liên tiếp.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	12,68	▼0,08	▼15,96	45.800
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	13,21	▲0,09	▼18,23	47.800
	(DCE) Kỳ hạn T5/2022	CNY/kg	14,21	▼0,09	-	40.500
	(DCE) Kỳ hạn T7/2022	CNY/kg	15,85	▲0,02	-	51.400
	(DCE) Kỳ hạn T9/2022	CNY/kg	17,60	▲0,05	-	57.300
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	85,17	—0,00	▲10,17	60.900
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	78,00	—0,00	▲6,00	55.800
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	12.809	▲9	-	71.900
Lào	Giao ngay	LAK/kg	30.997	▼164	-	62.000
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	58.583	▼43	▲8.142	93.100
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	72,64	—0,00	▲14,90	36.800
Canada	Giao ngay	Penny/kg	214,56	—0,00	▲34,66	39.300
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,09	—0,00	▼0,23	25.100

Giá heo con Thái Lan chững đà giảm vào tuần này.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá			Quy đổi VND/con
				1 ngày	1 tuần	1 năm	
Trung Quốc	Biểu 7kg	CNY/kg	24,19	—0,00	▲0,05	▼67,54	611.800
Thái Lan	Biểu 5-6kg	Baht/con	2.300	—0,00	—0,00	▲100	1.640.000

	Biểu 20-25kg	Baht/con	2.700 (+/- 80)	—0,00	—0,00	▲100	1.920.000
Mỹ	Biểu 5-6kg	USD/con	73,33	—0,00	▼9,96	-	1.683.700
	Biểu 18kg	USD/con	122,28	—0,00	▲6,46	-	2.807.500
EU	Giá bình quân	EUR/con	36,48	—0,00	▲0,22	▼5,97	967.000

Giá thân thịt heo Mỹ tiếp đà giảm trong ngày đầu tuần này.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch thân thịt heo tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi
				1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	VND/kg
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	18,54	▲0,01	▼1,15	▼3,39	▼20,54	67.000
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	112,27	▼1,05	-	▲15,88	-	56.800
	(CME) Kỳ hạn T4/2022	Uscent/pound	103,50	▼0,17	-	▲15,58	-	52.400
	(CME) Kỳ hạn T5/2022	Uscent/pound	107,65	▼0,17	-	▲12,73	-	54.500
	(CME) Kỳ hạn T6/2022	Uscent/pound	113,43	▼0,45	-	▲13,53	-	57.400
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,69	—0,00	▲0,10	▲0,29	▼0,41	38.800
EU	Giao ngay – nhóm S	EUR/100kg	137,43	—0,00	▲2,18	▲2,93	▲1,04	36.400
	Giao ngay – nhóm E	EUR/100kg	131,48	—0,00	▲1,57	▼0,05	▲0,42	34.800
	Giao ngay – nhóm R	EUR/100kg	178,40	—0,00	▲3,90	▼8,79	▲34,66	47.300

(Ghi chú: Thân thịt heo EU nhóm S có độ nạc >60%; nhóm E từ 55-60%; nhóm R từ 45-50%)

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2022

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất

04/02/2022	- **Romania** tiếp tục là điểm nóng dịch tả heo châu Phi khi ghi nhận tới 66 ổ dịch mới chỉ trong vòng 1 tuần từ 28/01-04/02 khiến 118 con heo rừng bị chết, 7416 con heo nhà nhiễm bệnh, trong đó 39 con bị chết và 74 con đã bị tiêu hủy.
01/02/2022 & 08/02/2022	- 31 ổ dịch tả heo châu Phi mới được ghi nhận tại **Latvia** khiến 42 con heo nhà bị nhiễm bệnh, 12 con bị chết và số heo nhiễm bệnh còn lại đã bị tiêu hủy; - **Hungary** thông báo 18 ổ dịch tả châu Phi mới với heo rừng khiến 29 con bị chết vì nhiễm bệnh.
02/02/2022 & 09/02/2022	- **Ukraine** ghi nhận 2 ổ dịch tả châu Phi mới đối với cả heo rừng và heo nhà khiến tổng cộng 4 con bị chết vì bệnh và 93 con khác bị tiêu hủy.

Sản xuất – Tiêu thụ

Tại Trung Quốc

Wen's, New Hope, Zhenbang và Cofco đều ghi nhận doanh số bán heo sống tăng mạnh trong tháng 1/2022.

Bảng 5. Lượng heo sống xuất bán của một số doanh nghiệp chăn nuôi lớn tại Trung Quốc trong năm 2022 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	Tháng 12/2021	Tháng 01/2022	So với tháng trước
1	Muyuan	5.025,0	-	-
2	Zhenbang Tech	805,2	958,7	▲19%
3	New Hope	1.071,6	1.292,6	▲21%
4	Wen's	1.227,0	1.506,1	▲23%
5	Cofco	307,0	404,0	▲32%
6	Dabeinong	453,5	416,5	▼8%
7	Aonong Bio	416,9	380,8	▼9%
8	Tianbang	367,7	381,3	▲4%
9	Tiankang Bio	147,3	126,9	▼14%
10	Tang Ren Shen	125,2	130,4	▲4%
11	Jin Xinnong	206,1	70,6	▼66%

12	Luo Niu Shan	38,1	45,1	▲18%
13	Dawnrays	39,9	46,6	▲17%
14	Zhenhong Tech	23,2	15,2	▼35%
Tổng		**10,253.7**		-

Tại Mỹ

Lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ trong ngày đầu tuần này giảm 8 nghìn con so với đầu tuần trước và 23 nghìn con so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 6. Lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ theo ngày (nghìn con)

Ngày	Dự kiến	Thực tế giết mổ trong ngày	Lũy kế tuần		
			Tuần này	Tuần trước	Cùng kỳ năm trước
25/02/2022	477	471	2.370*	2.336	2.471
26/02/2022	131	126	2.496*	2.498	2.649
28/02/2022	470	-	470	478	493

*Ghi chú: * số liệu điều chỉnh*

PHỤ LỤC

Diễn biến giá

Trung Quốc

Bảng 7. Bảng giá heo hơi tại một số vùng Trung Quốc ngày 01/03/2022

Khu vực	Tệ/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Quảng Đông	13,77	▼0,12	▲0,03	▼0,76	▼16,91	49.800
Quảng Tây	13,21	▲0,09	▲0,34	▼0,88	▼18,23	47.800
Vân Nam	11,82	▼0,09	▼0,11	▼0,47	▼17,72	42.700
Phúc Kiến	13,26	▼0,14	▲0,08	▼1,17	▼16,79	47.900
Tứ Xuyên	12,90	—0,00	▲0,04	▼0,90	▼16,89	46.600
Liêu Ninh	12,07	▼0,06	▲0,08	▼1,09	▼14,65	43.600
Hà Bắc	12,35	▼0,09	▼0,06	▼1,58	▼14,91	44.600
Sơn Đông	12,78	▼0,07	▼0,27	▼1,53	▼14,99	46.200
Giá trung bình cả nước	**12,68**	**▼0,08**	**▲0,07**	**▼1,35**	**▼15,96**	**45.800**

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Trung Quốc từ 01/01/2019-01/03/2022 (tệ/kg)

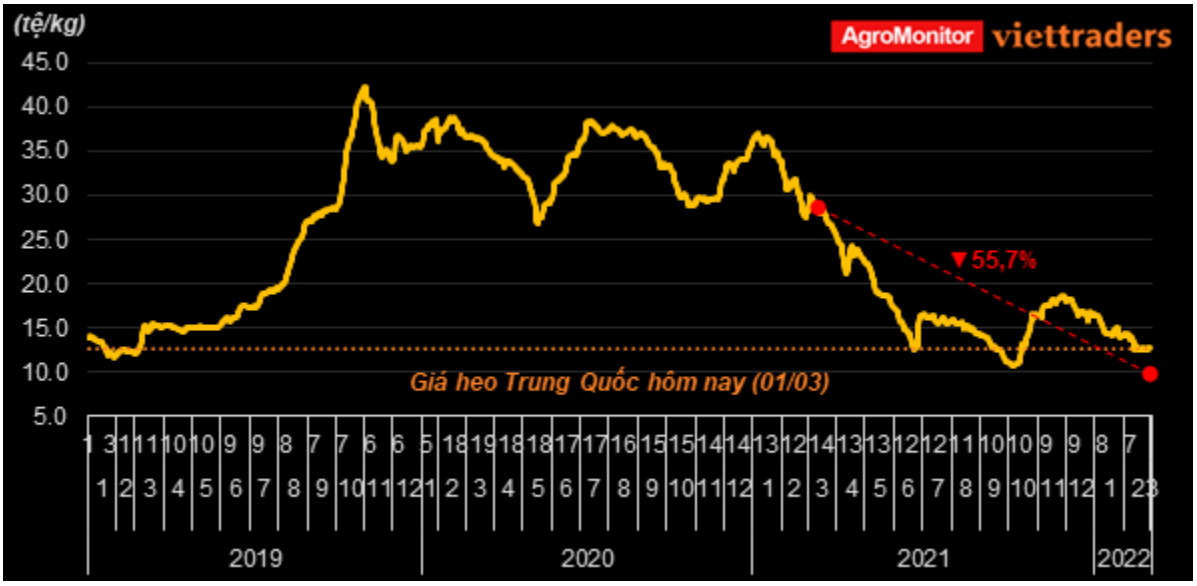

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Thái Lan

Bảng 8. Bảng giá heo hơi tại một số trang trại Thái Lan ngày 28/02/2022

Khu vực	Baht/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Miền Bắc	87,00	—0,00	▼6,00	▼23,00	-	61.900
Vùng Đông Bắc	88,00	—0,00	▼2,00	▼22,00	-	62.600
Miền Trung	78,00	—0,00	—0,00	▼34,00	▲6,00	55.500
Miền Đông	86,00	—0,00	▼8,00	▼26,50	▲8,00	61.200
Miền Tây	84,00	—0,00	—0,00	▼26,00	-	59.800
Miền Nam	88,00	—0,00	—0,00	▼22,00	-	62.600
Giá trung bình cả nước	**85,17**	**—0,00**	**▼2,67**	**▼25,58**	**▲10,17**	**60.600**

Hình 2. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Thái Lan từ 01/01/2021-28/02/2022 (giá quy đổi VND/kg)

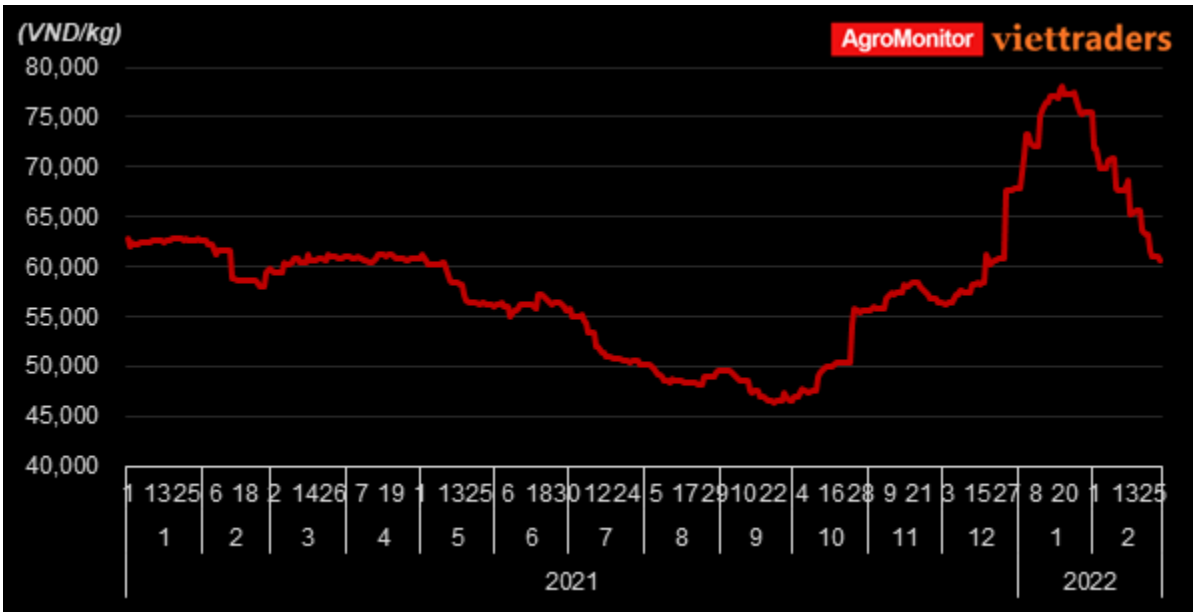

Nguồn: AgorMonitor tổng hợp

Sản xuất

Tại Mỹ

Sản lượng thịt heo Mỹ trong tuần kết thúc ngày 26/02 tăng nhẹ 0,3% so với tuần trước đó.

Bảng 9. Diễn biến hoạt động sản xuất thịt heo tại Mỹ theo tuần

Tuần kết thúc ngày	Trọng lượng heo xuất chuồng (kg/con)	Lượng heo đưa vào giết mổ (nghìn con)	Sản lượng thịt heo (nghìn tấn; %)		
			Lượng (1.000 tấn)	Lũy kế 2022 (1.000 tấn)	2022/2021 (%)
05/02/2022	133,4	2.445	243,2	1.220,7	▼11,6
12/02/2022	133,4	2.516	250,2	1.470,8	▼10,2
19/02/2022	133,4	2.498*	248,0*	1.718,9*	▼8,4
26/02/2022	133,4	2.507	248,7	1.967,5	▼8,1

*Ghi chú: * số liệu điều chỉnh*

Trong báo cáo mới nhất, Bộ NN Mỹ điều chỉnh giảm 0,5% đối với sản lượng thịt heo năm 2022.

Bảng 10. Cân đối cung cầu thịt heo Mỹ (nghìn tấn)

Năm	Nguồn cung (nghìn tấn)				Nhu cầu (nghìn tấn)		
	Tồn kho đầu kỳ	Sản lượng	Nhập khẩu	Tổng cung	Xuất khẩu	Tiêu thụ nội địa	Tồn kho cuối kỳ

2021							
Ước tính T12/21	212	12.586	526	**13.325**	3.249	9.856	220
Ước tính T1/22	212	12.568	540	**13.320**	3.215	9.896	209
Ước tính T2/22	212	12.559	535	**13.306**	3.189	9.914	204
2022							
Dự báo T12/21	220	12.524	540	**13.283**	3.359	9.698	227
Dự báo T1/22	209	12.487	590	**13.286**	3.175	9.902	209
Dự báo T2/22	204	12.426	594	**13.224**	3.089	9.926	209

Thương mại

Tại Mỹ

Lượng thịt heo Mỹ bán mới trong tuần kết thúc 17/02 tăng tới 45% so với tuần trước đó

Bảng 11. Diễn biến hoạt động xuất khẩu thịt heo của Mỹ

Tuần kết thúc ngày	Lượng xuất khẩu mới (tấn)	Lượng bán mới (tấn)	Tổng lượng đã bán cho niên vụ 2022 (tấn)			
			Tổng	Bán cho Mexico	Bán cho Trung quốc	Bán cho Việt Nam
27/01/2022	32.431	30.421	**358.219**	120.911 (**▼19%**)	41.221 (**▼71%**)	711 (**▼60%**)
03/02/2022	30.390	18.127	**376.346**	131.418 (**▼14%**)	42.167 (**▼72%**)	732 (**▼62%**)
10/02/2022	31.005	18.333	**394.679**	136.260 (**▼16%**)	42.439 (**▼73%**)	776 (**▼60%**)
17/02/2022	30.150	26.581	**421.260**	149.031 (**▼12%**)	42.773 (**▼73%**)	823 (**▼59%**)

Ghi chú: Thay đổi tương đối (%) của tổng lượng đã bán cho các thị trường là so sánh với cùng kỳ năm 2021.

B. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 12. Tham khảo giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc theo giám sát của Bộ Nông nghiệp, cập nhật tuần bắt đầu ngày 21/02/2022

Loại giá	tệ/kg	Biến động giá		Quy đổi VND/kg	Ghi chú
		1 tuần	1 năm		
Thức ăn chăn nuôi					

Ngô	2,87	—0	▼2,7%	10.400	- Giá ngô bình quân tại ba tỉnh Đông Bắc tại các ***khu vực sản xuất*** chính là 2,56 tệ/kg, tương đương so với tuần trước; - Giá ngô tại tỉnh Quảng Đông, ***khu vực bán hàng chính***, là 3,04 tệ / kg, giảm 0,7% so với tuần trước.
Khô đậu tương	4,07	▲3,6%	▲3,0%	14.700	- Tăng liên tiếp trong 10 tuần, tiệm cận mức cao nhất kể từ 2017. Lần đầu tiên phá vỡ mốc 4 tệ/kg.
Cám heo	3,69	▲0,5%	▲2,2%	13.300	- Loại cám hỗn hợp dùng cho heo xuất chuồng
Sản phẩm chăn nuôi					
Thịt heo	24,80	▼4,1%	▼51,4%	89.600	- Mức thấp nhất trong vòng 17 tuần.
Thịt bò	88,41	▼0,6%	▼1,2%	319.500	- Giá thịt bò bình quân tại các tỉnh ***sản xuất chính*** như Hà Bắc, Liêu Ninh, Cát Lâm, Sơn Đông và Hà Nam là 79,61 tệ/kg, giảm 0,4% so với tuần trước.
Thịt cừu	85,10	▼0,7%	▼3,0%	307.500	- Giá thịt cừu bình quân tại các tỉnh ***sản xuất chính*** như Hà Bắc, Nội Mông, Sơn Đông, Hà Nam và Tân Cương là 79,27 tệ/kg, giảm 0,3% so với tuần trước.
Thịt gà	22,90	▼0,7%	▼2,4%	82.700	
Sữa bò	4,25	▼0,5%	▼0,7%	15.400	- Giá bình quân tại ***10 tỉnh sản xuất*** bò sữa lớn, bao gồm Nội Mông và Hà Bắc.
Trứng gà	10,42	▼2,8%	▲0,7%	37.700	

*Ghi chú: * Giá sản phẩm chăn nuôi là giá bán tại các chợ đầu mối*

** Giá quy đổi VND/kg ước tính với tỷ giá tại thời điểm thống kê*

Bảng 13. Tham khảo giá một số loại nguyên liệu TACN trên thế giới

Loại giá	Kỳ hạn	ĐVT	Giá	So với hôm trước	Diễn biến chính
Ngô					
CBOT - Mỹ	T3/2022	cent/bushel	697,40	▲38,00	Giá ngô CBOT kỳ hạn tháng 5/2022 tăng kịch trần và đóng cửa ở mức 690,6 cent/bushel- tương đương tăng 5,3% so với phiên cuối tuần trước.
DCE - Trung Quốc	T3/2022	CNY/tấn	2724	▼9	
Lúa mỳ					
CBOT - Mỹ	T3/2022	cent/bushel	928,00	▲85,00	

FOB - Canada 13,5%	T3/2022	USD/tấn	414,50	▲10,25	Giá lúa mỳ kỳ hạn tháng 3 giữ xu thế tăng mạnh trở lại và đóng cửa ở mức 928 Uscent/giạ, tăng nóng tới 10% so với cuối tuần trước do thị trường lo ngại xung đột tại khu vực Biển Đen kéo dài sẽ làm gián đoạn hoạt động bán hàng và xuất khẩu lúa mỳ/lúa mạch của Nga lẫn Ucraina.
Khô đậu tương					
CBOT - Mỹ	T3/2022	USD/tấn ngắn	454,90	▲6,60	Kết phiên giao dịch, giá khô đậu tương CBOT kỳ hạn tháng 5/2022 vẫn tăng 0,8% so với phiên cuối tuần trước, ở mức 446,3 USD/tấn ngắn.
DCE - Trung Quốc	T3/2022	CNY/tấn	4330	▲41	

Bảng 14. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 01/03/2022

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,726	▲0,37	AUD/VND*	16.807	▲0,85
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,194	▲0,05	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,789	▲0,25	CAD/VND*	18.290	▲1,05
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,159	▲0,13	CNY/VND	3.615	▲0,02
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,120	▼0,59	EUR/VND*	26.297	▲0,22
GBP (Anh)	GBP/USD	1,342	▲0,02	GBP/VND*	31.081	▲0,20
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,59	—0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,61	▼0,18
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,031	▼0,65	THB/VND*	712	▼0,53
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22.950	▼0,04

*Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank*

Thị trường Gia cầm thế giới ngày 1/3/2022

08:37 01/03/2022

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM THẾ GIỚI

Thị trường Gia cầm	***Trung Quốc*** - Tiêu thụ ở các chợ đầu mối đang dần được ổn định giúp giá gà trắng quay đầu tăng nhẹ, lên quanh mức 7,62 tệ/kg

	- Giá vịt thịt tiếp đà tăng thêm, lên ngưỡng 8,18 tệ/kg do nguồn cung vẫn rất khan hàng

DIỄN BIẾN GIÁ

Tại Trung Quốc

- Nguồn cung gà đến biểu xuất chuồng chưa có nhiều trở lại trong khi tiêu thụ ở các chợ đầu mối đang dần được ổn định giúp giá gà trắng quay đầu tăng nhẹ, lên quanh mức 7,62 tệ/kg-tương đương 27.500 đồng/kg.

- Với giao dịch gà trắng giống, giá thức ăn vẫn biến động ở mức cao tuy nhiên giá gà thịt không có nhiều chuyển biến tích cực khiến nhu cầu vào đàn mới không cao, theo đó giá gà giống giảm lại, xuống còn quanh mức 0,68 tệ/con-tương đương 2.500 đồng/con.

- Mặc dù thời tiết đã ấm hơn tuy nhiên tỉ lệ đẻ trứng của gà chưa có nhiều cải thiện, trong khi đàn gà đẻ vẫn ở mức thấp khiến lượng trứng đẩy ra thị trường không quá dư thừa đẩy giá trứng tiếp tục tăng lên mức 7,68 tệ/kg-tương đương 27.700 đồng/kg.

- Giá vịt thịt tiếp đà tăng thêm, lên ngưỡng 8,18 tệ/kg-tương đương 29.600 đồng/kg do nguồn cung vẫn rất khan hàng. Tương tự, do ảnh hưởng của giá vịt thịt, giá vịt giống cũng được đẩy tăng tốt lên mức 1,19 tệ/con-tương đương 4.300 đồng/con.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước ngày 28/02/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/con
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	7,62	▲0,02	-	27.540
	Gà trắng giống	CNY/con	0,68	▼0,44	-	2.460
	Vịt thịt	CNY/kg	8,18	▲0,30	-	29.560
	Vịt giống	CNY/con	1,19	▲0,19	-	4.300
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	40,5	—0,00	-	29.000
	Gà nửa con	Baht/kg	85,0	—0,00	-	60.860
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	12.170
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,18	—0,00	-	27.090
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,23	—0,00	-	28.240
Mỹ (miềnTrung)	Gà sống	Cents/pound	40,0-69,0	—0,00	-	20.270-34.970
	Chân gà	Cents/pound	36,0-55,0	—0,00	-	18.250-27.880

	Đùi gà	Cents/pound	40,0-70,0	—0,00	-	20.270-35.480
	Cánh gà	Cents/pound	240,0-279,0	—0,00	-	121.640-141.410

Bảng 2. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước ngày 28/02/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/1 quả trứng
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	7,68	▲0,18	-	27.660
	(DCE) Kì hạn T4/2022	CNY/500kg	4.125	▲5,00	-	29.820
	(DCE) Kì hạn T5/2022	CNY/500kg	4.296	▲2,00	-	31.050
	(DCE) Kì hạn T6/2022	CNY/500kg	4.100	▲4,00	-	29.630
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 quả trứng	300,0	—0,00	-	2.150
	Trứng số 3	Baht/100 quả trứng	293,0	—0,00	-	2.100
	Trứng số 4	Baht/100 quả trứng	276,0	—0,00	-	1.980
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450,0	—0,00	-	2.530
Lào	Trứng gà	Kip/30 quả	29,000-30,000	-	-	2.130

-

Mỹ

Bảng 3. Lượng gà thịt được đưa vào giết mổ tại Mỹ theo tuần (1000 con)

Tuần kết thúc	Số lượng	Thay đổi so với tuần trước (%)
26/02/2022	159143	-0,09
19/02/2022	159292	-0,90
12/02/2022	160741	+2,14
04/02/2022	157379	+1,04
29/01/2022	155763	+0,37

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

- Tại Trung Quốc, lượng gà trắng giết mổ tăng dần theo từng năm, từ 4,4 tỷ con năm 2019 lên mức 5,8 tỷ con năm 2021. Trong khi đó, lượng giết mổ gà màu có chiều hướng giảm sau khi đạt mức cao là 4,9 tỷ con vào năm 2019. Việc buôn bán gà màu tại nước này chủ yếu là giao dịch con sống, tuy nhiên các chính sách hạn chế gia cầm sống thường xuyên được áp dụng ở nhiều nơi đã có tác động rất lớn đến thị trường gà màu.

THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 4. Tỷ giá một số đồng tiền chính

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%) so với hôm trước
CNY (Trung Quốc)	CNY/VND	3.614	—0,00
EUR (Châu Âu)	EUR/VND*	26.238	—0,00
KHR (Campuchia)	KHR/VND	5,62	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/VND*	716	—0,00
USD (Mỹ)	USD/VND*	22.960	—0,00
Kip (Lào)	Kip/VND	2,2	—0,00

*Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank*

Thị trường Gia súc nội địa ngày 1/3/2022

14:40 01/03/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 01/03/2022

THỊ TRƯỜNG HEO	
Giao dịch heo hơi nội địa	
Miền Bắc	Giá heo không có nhiều biến động vào hôm nay khi thị trường giằng co giữa một bên là nhu cầu tiêu thụ chậm và 1 bên là lực tấp heo vào gột. Mặt bằng giá heo miền Bắc hôm nay vẫn giữ giao dịch phổ biến quanh **52.000-54.000** đồng/kg với heo công ty và **51.000-53.000** đồng/kg với heo dân, tuỳ biểu. *Nguồn cung heo dân vẫn hơn do đã đổ ra bán giai đoạn nửa cuối tháng 2 nên các thương lái chuyển hướng bắt của các công ty với giá phổ biến **53.000** đồng/kg.*
Miền Trung & miền Nam	Từ hôm qua heo từ các khu vực này được gom đóng ra Bắc nhiều hơn nhưng do lượng heo tồn còn nhiều và giá heo miền Bắc chưa tăng nên mặt bằng giá khu vực này cũng chưa có nhiều thay đổi, giữ quanh **51.000-53.000** đồng/kg, cá biệt có giá trên 53.000 đồng/kg cho heo đẹp.
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ	

Chợ đầu mối, lò mổ miền Bắc	*Chợ Ngọc Lũ:* - Lượng heo về chợ đạt tầm **1.700** con, trong đó có **7** xe heo miền Nam, còn lại là heo từ các công ty, heo dân ít. - *Giao dịch tại chợ:* Chợ bán trôi với giá heo đầu **58.000** đồng/kg, phổ biến **54.000** đồng/kg, hàng chân dễ bán.
	Lò mổ *Vạn Phúc:* Giá heo móc hàm (gồm cả đầu lòng): **66.000-70.000** đồng/kg
Chợ đầu mối, lò mổ miền Nam	*Chợ Tân Xuân*: - Rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt **gần 4.300** con, tăng nhẹ so với hôm qua nhưng heo nhập chợ giảm **gần 200** con nên chợ không bị rớt vào cuối phiên, với giá từ **57.000** đồng/kg trở lên.
Biên mậu	
- Do số ca nhiễm Covid 19 tại Việt Nam tăng mạnh nên các cửa khẩu tiếp tục được kiểm soát chặt khiến hoạt động xuất khẩu heo sống khó khăn, chỉ giao dịch lượng nhỏ bán cho cư dân vùng giáp biên.	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

1. Miền Bắc

- Tại **miền Bắc Việt Nam**, giá heo không có nhiều biến động vào hôm nay khi thị trường giằng co giữa một bên là nhu cầu tiêu thụ chậm và 1 bên là lực tấp heo vào gột. Mặt bằng giá heo miền Bắc hôm nay vẫn giữ giao dịch phổ biến quanh 52-54.000 đồng/kg với heo công ty và 51-53.000 đồng/kg với heo dân, tuỳ biểu. Nguồn cung heo dân vẫn hơn do đã đổ ra bán giai đoạn nửa cuối tháng 2 nên các thương lái chuyển hướng bắt của các công ty với giá phổ biến 53.000 đồng/kg.

- Do số ca nhiễm Covid 19 tại Hà Nội tiếp tục tăng mạnh, đạt hơn 12.000 ca/ngày nên nhiều thương lái vẫn nghỉ đi chợ và các quán ăn bán chậm do không có khách.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		01/03/2022	28/02/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		54,000	54,000	54,000-57,000
Heo dân	Thái Bình	50,000-53,000	50,000-53,000	50,000-55,000
	Bắc Giang	50,000-53,000	50,000-53,000	50,000-55,000

	Hà Nội	50,000-53,000	50,000-53,000	50,000-55,000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		95,000-100,000	95,000-100,000	95,000-100,000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,200,000-1,400,000	1,200,000-1,400,000	1,200,000-1,400,000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000

2. Miền Trung

- Tại **miền Trung và miền Nam**, từ hôm qua heo từ các khu vực này được gom đóng ra Bắc nhiều hơn nhưng do lượng heo tồn còn nhiều và giá heo miền Bắc chưa tăng nên mặt bằng giá khu vực này cũng chưa có nhiều thay đổi, giữ quanh 51-53.000 đồng/kg, cá biệt có giá trên 53.000 đồng/kg cho heo đẹp.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		**01/03/2022**	**28/02/2022**	**Tuần trước**
Heo hơi				
Heo công ty	Bắc Miền Trung	53,000-54,000	53,000-54,000	53,000-55,000
	Nam Miền Trung	51,000-57,000	51,000-57,000	51,000-57,000
Heo dân	Nghệ An	50,000-52,000	50,000-52,000	50,000-54,000
	Bình Định	51,000-52,000	51,000-52,000	51,000-54,000
	Đắc Lắc	50,000-52,000	50,000-52,000	50,000-53,000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		**01/03/2022**	**28/02/2022**	**Tuần trước**
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	51,000-56,000	51,000-56,000	51,000-56,000
	Miền Tây	51,000-56,000	51,000-56,000	51,000-56,000
Heo dân	Đồng Nai	51,000-54,000	51,000-54,000	51,000-55,000
	Tiền Giang	50,000-53,000	50,000-53,000	50,000-54,000
	Bến Tre	50,000-53,000	50,000-53,000	50,000-54,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về vẫn đạt tầm 1.700, trong đó heo miền Nam đưa ra có 7 xe, còn lại là heo từ các công ty, heo dân ít. Chợ bán trôi với giá heo đầu 58.000 đồng/kg, phổ biến 54.000 đồng/kg, hàng chân dễ bán.

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt gần 4.200 con, tăng nhẹ so với hôm qua nhưng heo nhập chợ giảm gần 200 con nên chợ không bị rớt vào cuối phiên, với giá từ 57.000 đồng/kg trở lên.

Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)

Khu vực	Chợ đầu mối		01/03/2022	28/02/2022
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	~1,700	~1,700
		Giá giao dịch tại chợ phổ biến(đồng/kg)	54,000-58,000	54,000-58,000
Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Lượng heo nhập chợ (con)	~3,900	4,094
		Giá giao dịch (đồng/kg)	57,000-68,000	50,000-68,000

Bảng 5. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại		Khu vực	01/03/2022	28/02/2022
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	77,500-79,000	77,500-79,000
		CP - miền Nam	68,500-70,500	68,500-70,500
		CJ - miền Nam	69,500	69,500
		Emivest - miền Nam	70,500	70,500
	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	66,000-70,000	66,000-70,000
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	50,000	50,000
	Công ty	CP - miền Nam	33,000-34,000	33,000-34,000

- Tại các lò mổ tại TPHCM, lượng heo đưa về giết mổ trong ngày hôm nay đạt gần 5,000 con, giảm gần 100 con so với hôm qua và giảm gần 500 con so với hôm kia. Tính trong 2 ngày đầu tuần này, lượng heo đưa về giết mổ đạt gần 11,800 con, tăng khoảng 800 con so với cùng thời điểm của tuần trước.

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (tính tới 01/03/2022) (con)

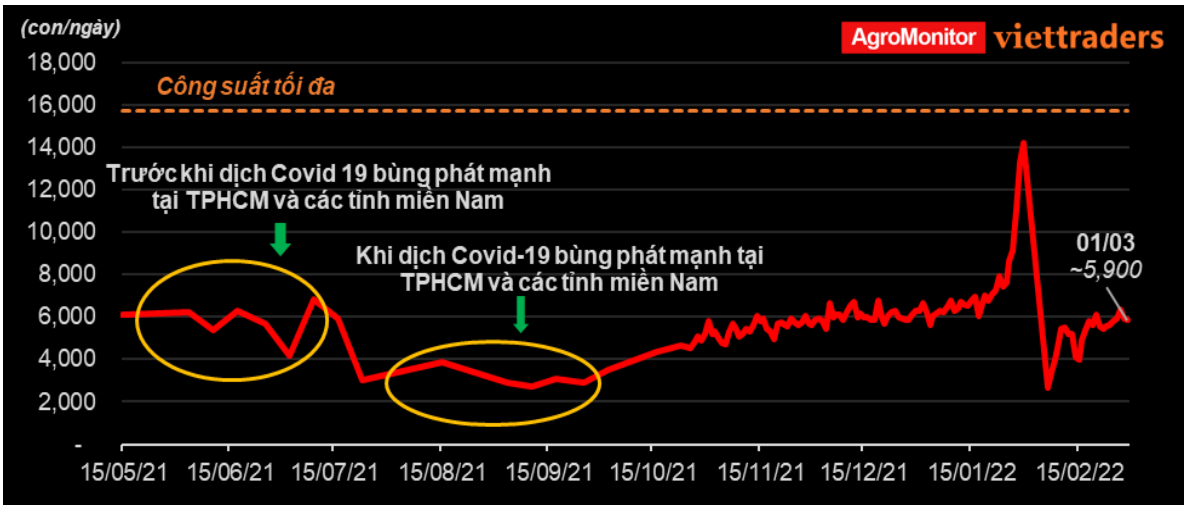

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

III. Giao dịch biên mậu

- Do số ca nhiễm Covid 19 tại Việt Nam tăng mạnh nên các cửa khẩu tiếp tục được kiểm soát chặt khiến hoạt động xuất khẩu heo sống khó khăn, chỉ giao dịch lượng nhỏ bán cho cư dân vùng giáp biên.

IV. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 7. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Dịch tả châu Phi, tai xanh vẫn lai rai bùng phát/tái bùng phát tại một số vùng.
Miền Trung	- Dịch tả heo châu Phi vẫn nổ lác đác tại các địa phương thuộc khu vực Bắc miền Trung, trong khi đó, tại Nam miền Trung, thời tiết đã bước sang mùa khô nên dịch bệnh trên heo có phần êm hơn.
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi vẫn lai rai nổ tại nhiều vùng ở cả miền Đông và miền Tây.

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

I. Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	01/03/2022	28/02/2022
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuột – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuột – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuột – bò ta	222.000	222.000

Bảng 9. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	01/03/2022	28/02/2022
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng. tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuột Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 1/3/2022

12:18 01/03/2022

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 28/02/2022

Gà trắng	Tại miền Bắc: **28.000-30.500** đồng/kg Nguồn cung tiếp tục thiếu hụt nâng giá công ty lẫn trại dân đồng loạt tăng
	Tại miền Nam: **28.000-29.000** đồng/kg Nguồn cung đẩy ra thị trường tương đối dồi dào khiến giá gà tạm thời chưa điều chỉnh tăng tiếp vào hôm nay.
Lò giết mổ An Nhơn	Tính bình quân tháng 2, lượng gia cầm đưa về lò giết mổ chỉ đạt hơn **59.000** con/ngày, giảm mạnh 24.34% so với tháng trước đó.
Tình hình đi Cam	Chi phí vận chuyển tăng cao khiến lượng gà trắng tại miền Nam, Việt Nam được đưa sang Cam tiêu thụ rất ít, chỉ khoảng **2-3.000** con/ngày. Trong khi đó, gà màu ngưng đóng đi Cam do chênh lệch giá giữa 2 nước bị thu hẹp.
Vịt thịt	Tại miền Bắc: **29.000-30.000** đồng/kg Nhu cầu thu mua vịt móc vào cuối tháng âm lịch tốt hơn thúc đẩy giá vịt lông tại trại tăng nhẹ.
	Tại miền Đông: **35.000-37.000** đồng/kg Tại miền Tây: **38.000-39.000** đồng/kg Tiêu thụ ấm hơn hỗ trợ mặt bằng giá vịt tại miền Nam tăng tiếp.
Giao dịch chợ Hà Vỹ	Lượng gà trắng về chợ: **3.000** con/ngày Giá gà trắng nhập về chợ: **33.500** đồng/kg Giá gà trắng bán ra tại chợ: **33.000-37.000** đồng/kg Tiêu thụ gia cầm tại chợ đang dần được cải thiện.

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- Tại miền Bắc, giá công ty tiếp tục đồng loạt tăng 500-1.000 đồng/kg do nguồn cung thiếu hụt, nâng mặt bằng chung lên 29-30.000 đồng/kg, giá hàng đầu ghi nhận trong sáng nay được 30.500 đồng/kg áp dụng với đàn nguyên trống biểu to 3.8 kg/con. Tại thị trường tự do, nguồn cung nhìn chung chưa có lại tuy nhiên một số nơi xuất hiện gà biểu to 4 kg/con giúp giá tăng lên 29-30.000 đồng/kg.

- Tại miền Nam, giá gà trắng giữ ổn định quanh mức 28-29.000 đồng/kg, trong đó ngưỡng 28-28.500 đồng/kg phổ biến hơn. Nguồn cung đẩy ra thị trường tương đối dồi dào khiến giá gà tạm thời chưa điều chỉnh tăng tiếp vào hôm nay.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	01/03/2022	28/02/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	28.000-30.500	27.500-30.000	27.000-29.500
	Miền Nam	28.000-29.000	28.000-29.000	25.000-28.000
Gà trong dân	***Miền Bắc***			
	Thái Nguyên	28.000-30.000	27.000-29.000	26.000-29.000
	Vĩnh Phúc	29.000-30.000	27.000-29.000	27.000-29.000
	Hà Nội	29.000-30.000	27.000-29.000	27.000-29.000
	Miền Nam			
	Bình Dương	28.000-29.000	28.000-29.000	24.000-28.000
	Bình Phước	28.000-29.000	28.000-29.000	24.000-27.000

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm đưa vào giết mổ trong ngày đầu tháng 1/3 đạt gần 63.400 con, tăng nhẹ 2.3% so với hôm qua. Tính bình quân tháng 2, lượng gia cầm đưa về lò giết mổ chỉ đạt hơn 59.000 con/ngày, giảm mạnh 24.34% so với tháng trước đó.

Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	28/02	01/03
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	61,974	63,370

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)

<u>Diễn biến gà trắng giống</u>

- Tại miền Bắc, giá gà giống ăn cám công ty lẫn trại dân đồng loạt giữ ổn định quanh mức 7.5-9.000 đồng/con. Nhu cầu thu mua con giống tại miền Bắc giai đoạn này yếu hơn nhiều so với cùng kỳ mọi năm do: (i) Tình hình dịch bệnh Covid 19 trên người diễn biến xấu hơn khiến sức tiêu thụ thực phẩm chậm chạp, (ii) giá TACN điều chỉnh tăng liên tục và có khả năng tăng tiếp khiến đầu vào tăng theo, người chăn nuôi dè chừng trong việc tái đàn hay mở rộng quy mô.

- Tại miền Nam, giá giống chững lại ở mức 8-9.000 đồng/con. Nhu cầu tái đàn tại miền Nam tương đối ổn định.

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	01/03/2022	28/02/2022
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	8.000-9.000	8.000-9.000
	Ăn cám công ty	7.500-8.000	7.500-8.000
	Bán ngoài	8.000-9.000	8.000-9.000

DOC-miền Nam	Ăn cám công ty	7.500-8.000	7.500-8.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	01/03/2022	28/02/2022
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	2150	2150
	Mix04(>=20.3kg)	2050	2050
	Mix05(>=19.3kg)	1950	1950
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	2050	2050
	Loại 22.5kg	1950	1950
	Loại 21.5kg	1850	1850
	Loại 20.5kg	1800	1800
	Loại 19.5kg	1750	1750

Gà màu

- Tại miền Bắc, mặc dù lực vào đàn mới còn chậm nhưng do con giống khan hiếm hỗ trợ cung cầu không có nhiều chênh lệch. Giá giống lai mía, lai hồ trong dân giữ mức 12-13.000 đồng/con (mua xô), với giống đẹp giá mua xô tại trại có thể đạt 14-15.000 đồng/con.

- Tình hình đi Cam: Chi phí vận chuyển tăng cao khi giá xăng dầu gần đây điều chỉnh tăng liên tiếp khiến lượng gà trắng tại miền Nam, Việt Nam được đưa sang Cam tiêu thụ rất ít, chỉ khoảng 2-3.000 con/ngày. Trong khi đó, gà màu ngưng đóng đi Cam do chênh lệch giá giữa 2 nước bị thu hẹp.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	01/03/2022	28/02/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	41.000-43.000	41.000-43.000	41.000-44.000
Gà ta lai CP – miền Trung	41.000	41.000	41.000
Gà ta lai CP – miền Nam	47.000-48.000	47.000-48.000	47.000-48.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc *(gà nuôi trên 4 tháng)*	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-54.000
Gà màu Dabaco – miền Nam *(gà nuôi trên 4 tháng)*	45.000-50.000	45.000-50.000	45.000-50.000
Gà Minh Dư – miền Bắc *(gà nuôi trên 4 tháng)*	50.000-53.000	50.000-53.000	50.000-55.000
Gà Minh Dư – miền Nam *(gà nuôi trên 4 tháng)*	50.000-52.000	50.000-52.000	50.000-52.000

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Loại con giống	01/03/2022	28/02/2022
DOC- Dabaco, Hòa Phát	10.000-11.000	10.000-11.000
DOC-Minh Dư	9.000-10.000	9.000-10.000
DOC- Tiến Đạt	11.000-12.000	11.000-12.000
DOC- Lai mía	13.000-13.500	13.000-13.500
DOC- Lai Hồ	13.000-13.500	13.000-13.500

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Loại con giống	01/03/2022	28/02/2022
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-6.000	5.000-6.000

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt 28.000 đồng/kg trong dân gần như không còn vào hôm nay, mặt bằng giá được nâng lên mức 29-30.000 đồng/kg do nhu cầu thu mua vịt móc vào cuối tháng âm lịch tốt hơn thúc đẩy giá vịt lông tại trại tăng nhẹ.

- Tại miền Đông, giá vịt grimaud cũng tiếp tục tăng lên phổ biến 35-37.000 đồng/kg, tùy vùng nhờ tiêu thụ vịt trôi hơn. Tại miền Tây, giá vịt thịt hôm nay duy trì ở mức tương đương với hôm qua, dao động 38-39.000 đồng/kg, trong đó mức 39.000 đồng/kg có nhiều giao dịch hơn. Với con giống, giá grimaud giống giữ ổn định 15-16.000 đồng/con, trong khi giá giống cherry giảm nhẹ chỉ còn ngưỡng 19.000 đồng/con do các trại có nhu cầu vào vịt con đã đủ lượng cần.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	01/03/2022	28/02/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	29.000-30.000	28.000-29.000	28.000-30.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	35.000-37.000	33.000-36.000	33.000-36.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	38.000-39.000	38.000-39.000	37.000-38.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Loại con giống	01/03/2022	28/02/2022
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	12.000-13.000	12.000-13.000
	DOC- Vịt Grimaud	12.000-13.000	12.000-13.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	5.000-6.000	5.000-6.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	15.000-16.000	15.000-16.000
	DOC- Vịt Cherry	19.000	19.000-20.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà trắng đổ về chợ hôm nay đạt trên 3.000 con, trong đó tỉ lệ con trống và biểu gà to về nhiều hơn kéo theo giá nhập về (mua xô) đẩy tăng lên ngưỡng 33.500 đồng/kg. Tiêu thụ tại chợ đang dần được cải thiện, giá gà bán ra cũng được đẩy lên mức 33-37.000 đồng/kg.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	01/03/2022	28/02/2022
Gà trắng	Mua vào	33.500	32.000
	Bán ra	33.000-37.000	31.000-36.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	50.000-52.000	50.000-52.000
	Bán ra	55.000-57.000	55.000-57.000
Gà Japfa (miền Trung đưa ra)	Mua vào	52.000	52.000
	Bán ra	55.000-57.000	55.000-57.000